SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL



Light

FEATHER S1PS

FEATHERS1P

Giày bảo h ộ đạt chứ n g nhận **S1PS** nh ẹ nhất

280g, FEATHER S1PS là đôi giày bảo h ộ nh ẹ nhất từ trước đến n nay. Sản phẩm có mũi giày carbon hoàn toàn, đế ngoài SJ ch ố n g thủ ng bằng thép và l t siêu mịn Supercritical Foam.



BLK

Những vật liệu cao cấp hơn i thép TPU, Lưới	
lót bên trong i tái chế lưới	
trong Đ ế lót chân SJ FOAM FEATHER	
iữa đế g i không dệt và hống thủng	
ngoài Đ /Cao su SC (NBR)	
u Đứng đầ Đế	THAN
i Loạ	S1 PS / SR, SC, HRO, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t thép	0.275 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng
i, siêu linh không gỉ kiêu nhẹ chống đâm thủng. Bao phủ 100% này, không gỉ ẩn nhiệt



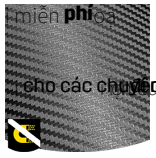
Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ cải thiện thoải lâu hơn.



ướt (SR)
Chống t dây SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử ướt được thực hiện trên sàn và dầu



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa hỏa hoạn do tích điện.
100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



miễn **phí** hoà
Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên



ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng lót giày thường xuyên hoặc lót giày chỉnh hình

Công nghiệp **n:**
cần , Biện t ập , lĩnh vự c ô tô, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
ru ờn mộikhô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hà mịệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu i **tiếp** Lư ớ **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ớ h ơ	? 0.8		91.1	ờ	mg/cm/g
	Top: h nuệ số ớ h ơ	? 15		729		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ					
	L ớp **lót:** ấm ớ h ơ	? 2		91.1	ờ	mg/cm/g
	lót: h nuệ số ớ h ơ	? 20		729		mg/cm2
rong Đ ế **lót chân SJ FOAM FEATHER**						
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ /**Cao su SC (NBR)**						
	Ch ố ma sát tĩnh (mài mòn) ế ngoài (	? 150		92		mm
	Chư ố ớ t c g t bản - Ceramic + NaLS - Trư ớ t **gót** v ề phía t	? 0.31		0.42		ma sát
	ru Cộ t cố ớ t bảng t G ố m + NaLS - Trư ớ t **lùi** v ề phía t	? 0.36		0.41		ma sát
	ru Cộ t SR n G ế t m + Glycerin - Trư ớ t **gót** phía t	? 0.19		0.43		ma sát
	Chư ố ớ t SR g G ố m + Glycerin - Trư ớ t v ề phía t	? 0.22		0.42		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		4.9		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		8.34		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân ủ	? 20		24		J
Đ ứ n g đầ **THAN**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		NA		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		NA		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		15		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		20		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi khuyến cáo thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái: Đ

	Sự **miêu** t ả	ả	ế t	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả						
	V ật l iệu			3.98		kg
	Bao bì			0.12		kg
	ất Sản x u			3.80		kg
	Chuyên ch ở			0.51		kg
				8.41 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ả	ế t	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế					
	Product			19%	
	Bao bì			99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.